

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22 /2020/HNGĐ-ST.**

Ngày: 30 - 7 - 2020.

V/v tranh chấp: *Ly hôn*

*giữa chị N và anh H.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đức Trường**

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông **Nguyễn Ry**

- Bà **Phan Thị Hà**

*Thư ký phiên tòa:* Ông **Trương Quang Vũ** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*  
Ông **Phạm Văn Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày **30** tháng **7** năm **2020** tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Chị **Ka N**, sinh năm: 1993. Địa chỉ cư trú: Thôn 9, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

\* **Bị đơn:** Anh **Lê Văn H**, sinh năm: 1992. Địa chỉ cư trú: Thôn 9, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*Vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Ka N trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N và anh H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 01/02/2016, hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới.

Chị N cho rằng: Quá trình chung sống do tính tình không hợp, anh H ham ăn chơi, nghiện ngập ma túy và không lo làm ăn. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Chị N đã nhiều lần khuyên anh H từ bỏ ma túy, tu chí làm ăn và cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có hạnh phúc. Chị N cho rằng mâu thuẫn vợ

chồng đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh H.

Còn anh H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy không có lời khai của anh H tại Tòa án.

- *Về con chung*: Chị N trình bày: Vợ chồng chung sống với nhau có 01 con chung là cháu Lê Anh Bảo C, sinh ngày 07/12/2016. Hiện nay con chung đang ở với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C đến đủ tuổi thành niên và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn chị Ka N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát H dân huyện B tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát H dân huyện B đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ka N; Xử cho chị Ka N được ly hôn với anh Lê Văn H;

- Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Lê Anh Bảo C, sinh ngày 07/12/2016 cho chị N có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên. Chị Ka N không yêu cầu nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét;

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

\* **Về tố tụng**: Chị Ka N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về tranh chấp “*Ly hôn*” với anh Lê Văn H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Ka N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ (giao cho người thân thích) nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Ka N và anh Lê Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

\* **Về nội dung**:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N và anh H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 01/02/2016, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là hoàn toàn hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Chị N cho rằng: Quá trình chung sống do tính tình không hợp, anh H ham ăn chơi, nghiện ngập ma túy và không lo làm ăn. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Chị N đã nhiều lần khuyên anh H từ bỏ ma túy, tu chí làm ăn và cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng vợ chồng vẫn không có hạnh phúc. Chị N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh H. Còn anh H, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt chứng tỏ anh H không có nguyện vọng mong muốn được trở về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng như chị N trình bày là đúng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N; xử cho chị N được ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Chị N trình bày: Vợ chồng chung sống với nhau có 01 con chung là cháu Lê Anh Bảo C, sinh ngày 07/12/2016. Hiện nay con chung đang ở với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C đến đủ tuổi thành niên.

Xét thấy, hiện nay cháu C còn nhỏ và đang có cuộc sống ổn định với chị N. Chị N cho rằng mình có đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc con chung. Vì vậy để không ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại cũng như tâm lý của con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị N về việc nhận nuôi con chung; giao cháu C cho chị N tiếp tục có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

- *Về cấp dưỡng*: Chị N không yêu cầu nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí*: Buộc chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lý do trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. **Xử:**

**1/ Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ka N đối với anh Lê Văn H về tranh chấp “Ly hôn”.

Xử cho chị Ka N được ly hôn với anh Lê Văn H.

**2/ Về con chung:** Giao 01 con chung là cháu Lê Anh Bảo C, sinh ngày 07/12/2016 cho chị Ka N có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

Anh Lê Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.*

**3/ Về án phí:** Chị Ka N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0019606 ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Ka N đã nộp đủ tiền án phí.

**4/ Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/7/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện B;
- UBND xã L, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Đã ký***

**Nguyễn Đức Trường**

